**Tính toán tự động các Chương trình thi đua**

1. **NHU CẦU:**

* Tạo báo cáo tính toán các chương trình thi đua trên chương trình QLBH (<https://baohiem.sacombank.com/>).
* Đặc điểm của CTTĐ là thay đổi linh hoạt theo tình hình kinh doanh nên cần xây dựng các chức năng cho phép user admin chọn/điều chỉnh linh hoạt:
* Thời gian xét thưởng
* Loại sản phẩm được áp dụng xét thưởng
* Các điều kiện/tiêu chí xét thưởng: theo FYP/ %TH/KH, số lượng giải…
* Tỷ lệ K2, nộp thư bàn giao hợp đồng (ACK).
* Chức danh của CBNV
* Các tham số xây dựng báo cáo động, có thể áp dụng trong tương lai:
* Phân loại KH: xây dựng bảng tỷ lệ linh hoạt

|  |  |
| --- | --- |
| **Phân loại KH** | **Tỷ lệ** |
| KH tiền gửi (KHTG) | Nhân 2, 3 .. phí BH với các HD của KHTG |
| KH tiền vay (KHTV) | Nhân 2, 3 .. phí BH với các HD của KHTV |
| KH doanh nghiệp (KHDN) | Nhân 2, 3 .. phí BH với các HD của KHDN |

* Thu hộ tự động: xây dựng bảng tỷ lệ linh hoạt (Nhân 2, 3 .. phí BH với các HĐ đóng phí qua dịch vụ thu hộ tự động).
* Đối với mỗi báo cáo sẽ bao gồm 2 sheet: Sheet “Chi tiết HĐBH” và Sheet “Kết quả CTTĐ”. Chi tiết template theo file đính kèm, trong đó:
* Sheet “Chi tiết HĐBH”: thể hiện chi tiết các HĐ tính ra kết quả CTTĐ.
* Sheet “Kết quả CTTĐ”: thể hiện kết quả thi đua theo từng đối tượng, sort từ cao đến thấp theo tiêu chí chương trình.
* Báo cáo thể hiện cập nhật số liệu đến ngày nào.
* Có chức năng điều chỉnh cho phép user admin sau khi có kết quả cuối cùng import điều chỉnh và bổ sung ghi chú cho các trường hợp này.

1. **MÔ TẢ CHI TIẾT:**
2. **CHI TIẾT HĐBH:**

**Mô tả mẫu báo cáo Chi tiết HĐBH** (file đính kèm)

1. **MÔ TẢ CÁCH LẤY DỮ LIỆU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại chương trình** | **Cách lấy dữ liệu và tính toán** | **Các chức năng cài đặt cho admin** |
| Chương trình thưởng theo IP/HĐBH hoặc IP theo CBNV | * Lấy hết các dòng phí năm nhất của HĐ phát hành trong thời gian được cài đặt. * Phí được sum theo số HĐBH hoặc theo Mã CBNV. * Nhân đôi FYP đối với HĐBH của KH tiền gửi/tiền vay/doanh nghiệp hoặc HĐ đóng phí qua dịch vụ thu hộ tự động. * Thưởng thêm đối với HĐBH do CBQL giới thiệu. * Loại trừ HĐBH CBNV và các HĐ có tình trạng hủy xét đến ngày 25 của tháng T+1 (T là tháng phát hành hợp đồng). Trường hợp tại thời điểm xuất báo cáo chưa đến ngày 25 của tháng T+1 thì check hủy đến ngày xuất báo cáo. * Sum phí theo HĐBH hoặc theo CBNV. Tính toán mức thưởng mà CBNV nhận được theo IP/HĐBH hoặc theo IP/CBNV. Chi tiết mức thưởng theo **Mục C** bên dưới * Chi tiết kết quả xuất ra: theo file excel đính kèm. | * Cài đặt loại sản phẩm được áp dụng * Cài đặt khoảng thời gian lấy dữ liệu. * Cài đặt tính toán IP theo HĐBH hoặc theo NV. * Cài đặt mức thưởng theo từng bậc thang IP. * Cài đặt tỷ lệ thưởng (nhân 1 hoặc nhân 2,....) đối với IP theo Phân loại KH hoặc HĐBH có đăng ký dịch vụ thu hộ tự động. * Cài đặt điều kiện lọc KH tiền gửi (số tiền gửi, kỳ hạn gửi…) * Cài đặt mức thưởng thêm đối với KHTG. * Cài đặt thời gian check hủy (ngày 25 tháng T+1 hoặc tháng T+2) * Cài đặt loại trừ HĐ CBNV. * Cài đặt chức danh CBQL được thưởng thêm và mức thưởng thêm đối với HĐBH do CBQL giới thiệu. * Cài đặt thời gian check K2 * Cài đặt tỷ lệ chi thưởng theo K2 |
| Chương trình thưởng theo FYP/CBNV | * Lấy hết các dòng phí năm nhất phát sinh trong thời gian được cài đặt. * Loại trừ HĐBH CBNV/ HĐ chưa nộp ACK và các HĐ có tình trạng hủy xét đến ngày 25 của tháng T+2 (T là tháng kết thúc chương trình), trường hợp tại thời điểm xuất báo cáo chưa đến ngày 25 của tháng T+2 thì check hủy đến ngày xuất báo cáo. * Nhân đôi FYP đối với HĐBH KH tiền gửi/tiền vay/doanh nghiệp hoặc HĐ đóng phí qua dịch vụ thu hộ tự động. * Thưởng thêm đối với HĐBH do CBQL giới thiệu. * Sum phí FYP theo từng Mã CBNV và tính toán mức thưởng từng đối tượng CBNV nhận được (theo NVGT chính thức và theo DS). Mức thưởng theo **Mục C** bên dưới. * Chi tiết kết quả xuất ra: theo file excel đính kèm. | * Cài đặt loại sản phẩm được áp dụng. * Cài đặt khoảng thời gian lấy dữ liệu. * Cài đặt mức thưởng theo từng bậc thang FYP, cài đặt số lượng giải. * Cài đặt thời gian check hủy (ngày 25 tháng T+1 hoặc tháng T+2) * Cài đặt tỷ lệ thưởng (nhân 1 hoặc nhân 2 FYP,....) đối với FYP theo phân loại KH hoặc HĐBH có giao dịch thông qua thu hộ tự động. * Cài đặt điều kiện lọc KH tiền gửi (kỳ hạn gửi, số tiền gửi,...) * Cài đặt mức thưởng thêm đối với HĐBH của KH tiền gửi. * Cài đặt chức danh CBQL được thưởng thêm và mức thưởng thêm đối với HĐBH do CBQL giới thiệu * Cài đặt ngày thời gian check ACK * Cài đặt thời gian check K2. Cài đặt tỷ lệ chi thưởng theo K2. |
| Chương trình FYP dành cho Cán bộ quản lý KV/CN/PGD | * Lấy hết các dòng phí năm nhất phát sinh trong thời gian được cài đặt. * Loại trừ HĐBH CBNV/ HĐ chưa nộp ACK và các HĐ có tình trạng hủy xét đến ngày 25 của tháng T+2 (T là tháng kết thúc chương trình), trường hợp tại thời điểm xuất báo cáo chưa đến ngày 25 của tháng T+2 thì check hủy đến ngày xuất báo cáo. * Nhân đôi FYP đối với HĐBH KH tiền gửi/tiền vay/doanh nghiệp hoặc HĐ đóng phí qua dịch vụ thu hộ tự động. * Thưởng thêm đối với HĐBH do CBQL giới thiệu. * Phân luồng quản lý theo chức danh/phòng ban của CBNV trực thuộc. * Lấy số kế hoạch, số CL,DL theo đơn vị. * Sum phí FYP theo từng đối tượng. Mức thưởng theo **Mục C** bên dưới. * Khi đơn vị hủy thì phí phát sinh từ thời điểm nhận bàn giao mới ghi nhận cho đơn vị tiếp nhận. * Chi tiết kết quả xuất ra: theo file excel đính kèm. | * Cài đặt loại sản phẩm được áp dụng. * Cài đặt khoảng thời gian lấy dữ liệu. * Cài đặt mức thưởng theo từng bậc thang FYP, cài đặt số lượng giải. * Cài đặt thời gian check hủy (ngày 25 tháng T+1 hoặc tháng T+2) * Cài đặt tỷ lệ thưởng (nhân 1 hoặc nhân 2 FYP,....) đối với FYP theo phân loại KH hoặc HĐBH có giao dịch thông qua thu hộ tự động. * Cài đặt điều kiện lọc KH tiền gửi (kỳ hạn gửi, số tiền gửi,...) * Cài đặt mức thưởng thêm đối với HĐBH của KH tiền gửi. * Cài đặt chức danh CBQL được thưởng thêm và mức thưởng thêm đối với HĐBH do CBQL giới thiệu * Cài đặt ngày thời gian check ACK. * Cài đặt thời gian check K2. Cài đặt tỷ lệ chi thưởng theo K2. |
| Chương trình KV/CN/PGD – dài hạn theo FYP | * Lấy hết các dòng phí năm nhất phát sinh trong thời gian được cài đặt. * Loại trừ HĐBH CBNV/ HĐ chưa nộp ACK và các HĐ có tình trạng hủy xét đến ngày 25 của tháng T+2 (T là tháng kết thúc chương trình), trường hợp tại thời điểm xuất báo cáo chưa đến ngày 25 của tháng T+2 thì check hủy đến ngày xuất báo cáo. * Nhân đôi FYP đối với HĐBH KH tiền gửi/tiền vay/doanh nghiệp hoặc HĐ đóng phí qua dịch vụ thu hộ tự động. * Thưởng thêm đối với HĐBH do CBQL giới thiệu. * Lấy số kế hoạch, số CL,DL theo đơn vị. * Sum phí FYP theo từng đối tượng. Mức thưởng theo **Mục C** bên dưới. * Khi đơn vị hủy thì phí phát sinh từ thời điểm nhận bàn giao mới ghi nhận cho đơn vị tiếp nhận. * Chi tiết kết quả xuất ra: theo file excel đính kèm. | * Cài đặt loại sản phẩm được áp dụng. * Cài đặt khoảng thời gian lấy dữ liệu. * Cài đặt mức thưởng theo từng bậc thang FYP, cài đặt số lượng giải. * Cài đặt thời gian check hủy (ngày 25 tháng T+1 hoặc tháng T+2) * Cài đặt tỷ lệ thưởng (nhân 1 hoặc nhân 2 FYP,....) đối với FYP theo phân loại KH hoặc HĐBH có giao dịch thông qua thu hộ tự động. * Cài đặt điều kiện lọc KH tiền gửi (kỳ hạn gửi, số tiền gửi,...) * Cài đặt mức thưởng thêm đối với HĐBH của KH tiền gửi. * Cài đặt chức danh CBQL được thưởng thêm và mức thưởng thêm đối với HĐBH do CBQL giới thiệu. * Cài đặt ngày thời gian check ACK. * Cài đặt thời gian check K2. Cài đặt tỷ lệ chi thưởng theo K2. * Cho phép chọn xét theo FYP, %TH/KH theo năm, tháng quý. |
| Chương trình Thu phí tái tục RYP | * Đối tượng NVGT, CV.KDBH, CN/PGD. * Lấy hết các dòng phí phát sinh từ năm 2 trở đi trong thời gian triển khai chương trình. * Nhân đôi FYP đối với HĐBH KH tiền gửi/tiền vay/doanh nghiệp hoặc HĐ đóng phí qua dịch vụ thu hộ tự động. * Sum RYP theo đối tượng. Mức thưởng theo **Mục C** bên dưới. * Khi đơn vị hủy thì phí phát sinh từ thời điểm nhận bàn giao mới ghi nhận cho đơn vị tiếp nhận. | * Cài đặt loại sản phẩm được áp dụng. * Cài đặt khoảng thời gian lấy dữ liệu. * Cài đặt mức thưởng theo từng bậc thang RYP. * Cài đặt năm phí xét thưởng. * Cài đặt tỷ lệ thưởng (nhân 1 hoặc nhân 2 FYP,....) đối với FYP theo phân loại KH hoặc HĐBH có giao dịch thông qua thu hộ tự động. * Cài đặt thời gian check K2. Cài đặt tỷ lệ chi thưởng theo K2. |

1. **CHI TIẾT BẬC THƯỞNG THEO CHƯƠNG TRÌNH:**
2. **CHƯƠNG TRÌNH THƯỞNG THEO IP:**

* Loại sản phẩm: Kcare
* Cơ cấu thưởng:
* CBNV: *Template CT 1A*

|  |  |
| --- | --- |
| **Điều Kiện** | **Giải thưởng (VND)** |
| Hợp đồng phát hành trong tháng | 4% IP/CBNV |

* CN/PGD: *Template CT1B*

|  |  |
| --- | --- |
| **Điều Kiện FYP Kcare/quý** | **Mức thưởng (VND)** |
| Top 10 FYP (tối thiểu 100 trđ) | 10,000,000 |
| Top 20 FYP kế tiếp (tối thiểu 50 trđ) | 5,000,000 |

1. **CHƯƠNG TRÌNH THƯỞNG THEO FYP/CBNV:**

* Thưởng theo Mã NVGT chính thức: *Template CT2A*
* HĐ có cột Mã CV.KDBH = mã CBNV GT và cột ngày ngưng cơ chế của DS là trống thì không xét thưởng HĐ này.
* HĐ có Mã tư vấn trùng với Mã code BH của NVGT chính thức” và Tháng/năm phát sinh phí nhỏ hơn tháng/năm ngưng cơ chế và ngày ngưng cơ chế khác trống thì không xét thưởng HĐ này.
* Hợp đồng phát sinh phí tháng/năm nào thì nối đến bảng import quản lý nhân viên của tháng/năm đó
* Thưởng theo CV.KDBH (DS): *Template CT2B*
* DS phải còn cơ chế/hiệu lực trong tháng cuối quý xét giải. Tháng/năm cuối quý xét giải nhỏ hơn tháng/năm ngưng cơ chế và ngày ngưng cơ chế khác trống thì tiền thưởng là 0 (tháng/năm nào kết thúc chương trình thì nối đến bảng import quản lý nhân viên của tháng đó). *Ví dụ: Chương trình triển khai Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022 thì kiểm tra ngày kết thúc cơ chế trong bảng tháng 3/2022).*
* Sheet Kết quả: tổng hợp theo CBNV, sort theo FYP từ cao đến thấp.
* Cơ cấu/điều kiện xét giải:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CBNV giới thiệu** | | **CV.KDBH/CVBH kiêm nhiệm BH** | | **Giải thưởng/CBNV (VND)** |
| **Điều kiện FYP ILP** | **Tiêu chí TOP FYP ILP** | **Điều kiện FYP ILP** | **Tiêu chí TOP FYP ILP** |
| ≥ 500 triệu đồng | TOP 40 cao nhất | ≥ 1,6 tỷ đồng | TOP 10 cao nhất | 30,000,000 |
| ≥ 300 triệu đồng | TOP 70 tiếp theo | ≥ 1,0 tỷ đồng | TOP 30 tiếp theo | 20,000,000 |
| ≥ 100 triệu đồng | TOP 160 tiếp theo | ≥ 0.5 tỷ đồng | TOP 50 tiếp theo | 15,000,000 |

* CBNV phải thỏa Điều kiện FYP và thuộc TOP theo quy định xét thưởng của chương trình sẽ đạt thưởng.
* Tính toán ra kết quả nhận thưởng của CBNV. Giải thưởng có thể là tiền/chuyến du lịch.

1. **CHƯƠNG TRÌNH FYP DÀNH CHO CÁN BỘ QUẢN LÝ KV/CN/PGD:**

**3.1 Chương trình dành cho Ban giám đốc KV/CN/PGD:** *Template CT3A*

* Chương trình có thể thi đua theo đợt. Cho phép thể hiện kết quả từng đợt theo tùy chọn.

*VD: Chương trình triển khai từ 01/01/2022 – 31/12/2022, xét giải theo đợt:*

* *Đợt 1: 01/01/2022 – 31/10/2022.*
* *Đợt 2: 01/01/2022 – 31/12/2022.*
* Chương trình của BGĐ xét thưởng theo doanh số của đơn vị phụ trách, thể hiện theo đơn vị.
* Sheet kết quả theo CN/PGD: Cột nhóm đường đua, tùy chương trình ở từng thời kì có thể phân làm nhiều đường đua hoặc không phân đường đua. Cho phép user admin điều chỉnh tùy chọn.

*Ví dụ cách phân đường đua:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Nhóm đường đua** |
| CN/PGD có KH năm dưới 1,8 tỷ | Đường đua 1 |
| CN/PGD có KH năm từ 1,8 tỷ đến dưới 2,5 tỷ | Đường đua 2 |
| CN/PGD có KH năm từ 2,5 tỷ trở lên | Đường đua 3 |

* Doanh số CL,DL lấy tại ngày cuối mỗi tháng, tổng theo Năm/Quý (có báo cáo doanh số CL,DL trên chương trình).
* Thể hiện total FYP theo từng KV/CN/PGD, sort theo thứ tự FYP/ %TH/KH từ cao đến thấp tùy theo tiêu chí của chương trình.
* Cơ cấu giải thưởng:

**Đợt 1: 01/01/2022 – 31/10/2022**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại giải** | **Điều kiện** | **Tiêu chí** |
| Vé du lịch | 1. 100%KH 2022; *và* 2. K2 tại ngày 31/10/2022 ≥ 70%, | * TOP 02 KV đạt %KH 2022 cao nhất * TOP 20 CN/PGD đạt %KH 2022 cao nhất |

**Đợt 2: 01/01/2022 – 31/12/2022**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại giải** | **Điều kiện** | **Tiêu chí** |
| Vé du lịch | 1. 100%KH 2022; *và* 2. 100%KH Quý IV, *và* 3. K2 tại ngày 31/12/2022 ≥ 70%, | * TOP 02 KV đạt FYP 2022 cao nhất * TOP 26 CN/PGD đạt FYP 2022 cao nhất |
| Tiền mặt | * TOP 01 KV và TOP 13 CN/PGD đạt %KH 2022 cao nhất * TOP 01 KV và TOP 13 CN/PGD đạt FYP 2022 cao nhất |

* Thiết lập công cụ để user admin điều chỉnh bậc điều kiện, số lượng giải thưởng.
* Cột “Thỏa điều kiện” trường hợp đơn vị thỏa hết các điều kiện (%KH năm ≥ 100%, %KH Quý ≥ 100%, K2 ≥70%).

**3.2 Chương trình dành cho Cán bộ quản lý trung gian CN/PGD:** *Template CT3B*

* **CBQL trung gian tại CN/PGD gồm:**
* CBQL là Trưởng, Phó phòng các Phòng cá nhân, Phòng Doanh nghiệp, Phó PGD phụ trách KD (gọi chung là CBQL phụ trách kinh doanh).
* CBQL là Trường, Phó phòng các Phòng KSRR, Phòng KT&Q, Phó PGD phụ trách NN (gọi chung là CBQL phụ trách nội nghiệp).
* **Quy định xét chọn CBQL trung gian nhận thưởng:**
* Doanh số FYP xét thưởng của Phòng/luồng phụ trách gồm doanh số giới thiệu của toàn thể CBNV (gồm CBQL) thuộc phòng/luồng phụ trách, không bao gồm các hợp đồng CL,DL, HĐ hủy, HĐ chưa nộp thư ACK. Nguyên tắc tính FYP của CBQL như sau:
* **Tại Phòng giao dịch:**
* Phó PGD phụ trách nội nghiệp: tính trên FYP được giới thiệu của bản thân CBQL và CBNV thuộc bộ phận KT&Q, BP.KSRR.
* Phó PGD phụ trách KD: tính trên FYP còn lại tại PGD (không bao gồm doanh số của Trưởng PGD/Phó phụ trách PGD). CBNV nghỉ việc/nhân sự dữ trữ/chuyển đổi đơn vị công tác (đơn vị công tác khác đơn vị phát hành HĐBH)thì doanh số ghi nhận cho luồng KD.
* **Trụ sở chi nhánh:**
* Trưởng/Phó P.DN/P.KSRR/P.KT&Q: tính thưởng trên FYP phát sinh của bản thân CBQL và CBNV của Phòng giới thiệu.
* Trưởng/Phó P.CN: tính thưởng trên FYP còn lại của trụ sở Chi nhánh (không bao gồm doanh số của Giám đốc/Phó GĐ CN). CBNV nghỉ việc/nhân sự dữ trữ/chuyển đổi đơn vị công tác (đơn vị công tác khác đơn vị phát hành HĐBH)thì doanh số ghi nhận cho P.CN.
* Thông tin CBNV giới thiệu được nhập liệu tại trường **[NVGT]** trên chương trình quản lý bảo hiểm (https: //baohiem.sacombank.com).
* Chức danh, phòng công tác của CBNV giới thiệu được xác định vào thời điểm cuối mỗi tháng căn cứ theo thông tin trên chương trình Quản lý nhân sự.
* Trường hợp phòng/luồng đạt thưởng có 2 CBQL trở lên (có cả Trưởng và Phó phòng hoặc có 2 Phó PGD phụ trách KD hoặc 2 Phó PGD phụ trách NN) thì xét chọn dựa trên doanh số giới thiệu cá nhân của CBQL. Trường hợp doanh số cá nhân bằng nhau, CBQL nhận thưởng do Trưởng đơn vị đề xuất.
* Thông tin CBQL trung gian được xác định từ hệ thống nhân sự vào ngày 31/10/2022 để xét giải đợt 1 và 31/12/2022 để xét giải đợt 2. Trường hợp tại thời điểm xét giải, Phòng/luồng đạt giải không có chức danh thuộc thành phần thi đua xét thưởng thì giải thưởng sẽ được xét cho CBQL trung gian khác có kết quả cao kế tiếp.
* Cơ cấu giải thưởng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm Đường đua** | **Điều kiện** | **Đợt 1: 30/11/2022** | **Đợt 2: 31/12/2022** |
| Luồng Kinh doanh | FYP ≥ 1,2 tỷ | TOP 15 FYP | TOP 20 FYP |
| Luồng Nội nghiệp | TOP 5 FYP | TOP 10 FYP |

* Thiết lập công cụ để user admin điều chỉnh bậc điều kiện, số lượng giải thưởng.
* Cột “Thỏa điều kiện” trường hợp thỏa điều kiện FYP ≥ 1,2 tỷ. Sort theo FYP xét thưởng (loại trừ ACK).
* Xét kết quả của Phòng/luồng, căn cứ chức danh tại cuối mỗi đợt xét để ra kết quả cán bộ quản lý đạt giải.

1. **CHƯƠNG TRÌNH FYP DÀNH CHO KV/CN/PGD:**
   1. **Đối với VPKV:** *Template CT4A*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Điều kiện** | **Mức thưởng/Đơn vị (VND)** | |
| **K2 ≥ 65%** | **K2 ≥ 75%** |
| %TH/KH FYP Quý II ≥ 100% | 40,000,000 | 50,000,000 |
| %TH/KH FYP Quý II ≥ 110% | 80,000,000 | 100,000,000 |

* 1. **Đối với CN/PGD:** *Template CT4B*
* **Điều kiện FYP và mức thưởng chuẩn:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Doanh số FYP Quý II** | **Mức thưởng chuẩn (VND)** |
| ≥ 300 triệu đồng | 4,000,000 |
| ≥ 500 triệu đồng | 7,000,000 |
| ≥ 700 triệu đồng | 10,000,000 |
| ≥ 900 triệu đồng | 15,000,000 |
| ≥ 1.2 tỷ đồng | 25,000,000 |
| ≥ 1.5 tỷ đồng | 35,000,000 |

* **Tỷ lệ chi thưởng:**
* **Điều kiện 1: theo % KH FYP Quý II, %KH FYP năm 2022 của CN/PGD:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Các mức %TH/KH** | **Tỷ lệ chi thưởng** |
| Dưới 80% KH Quý I | Không chi thưởng |
| ≥ 80% KH Quý I | 80% mức chuẩn |
| ≥ 100% KH Quý I | 100% mức chuẩn |
| **Đạt 100%KH cả năm 2022 trong quý 2** | **200% mức chuẩn** |

* **Điều kiện 2: theo tỷ lệ K2 tại thời điểm 31/03/2022 của CN/PGD:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tỷ lệ K2** | **Tỷ lệ chi thưởng** |
| K2 < 65% | Không chi thưởng |
| K2 ≥ 65% | 80% mức chi thưởng sau khi xét điều kiện 1 |
| K2 ≥ 75% | 100% mức chi thưởng sau khi xét điều kiện 1 |

* Cho phép admin điều chỉnh điều kiện, mức thưởng.
* Tính toán ra kết quả nhận thưởng căn cứ theo cơ cấu giải thưởng.
* Doanh số CL,DL lấy tại ngày cuối mỗi tháng, tổng theo Năm/Quý (có báo cáo doanh số CL,DL trên chương trình).
* Thể hiện total FYP theo từng KV/CN/PGD, sort theo thứ tự FYP/ %TH/KH từ cao đến thấp tùy theo tiêu chí của chương trình.

1. **CHƯƠNG TRÌNH RYP DÀNH CHO CN/PGD:** *Template CT5*

* Cơ cấu giải thưởng:

**Mức thưởng chuẩn:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phí RYP thực thu/quý(vnđ)** | **Mức thưởng chuẩn (vnđ)** |
| ≥ 1.8 tỷ | 10,000,000 |
| ≥ 1.2 tỷ | 6,000,000 |
| ≥ 0.8 tỷ | 4,000,000 |
| ≥ 0.5 tỷ | 2,000,000 |

**Mức chi thực tế căn cứ theo tỷ lệ K2:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tỷ lệ K2** | **Tỷ lệ chi thưởng** |
| K2 < 65% | Không chi thưởng |
| K2 ≥ 65% | 80% mức thưởng chuẩn |
| K2 ≥ 75% | 100% mức thưởng chuẩn |

* Thể hiện total theo từng đối tượng, sort theo thự tự RYP xét thưởng từ cao đến thấp.

1. **CHƯƠNG TRÌNH RYP DÀNH CHO CBNV:** *Template CT6*

* Cho phép chọn đối tượng là CV.KDBH hoặc NVGT. DS phải còn cơ chế/hiệu lực trong tháng cuối quý xét giải.
* Cơ cấu giải thưởng:

**Mức chi chuẩn:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phí RYP thực thu/quý (vnđ)** | **CV.KDBH/CVBH kiêm nhiệm bảo hiểm** |
| ≥ 1.8 tỷ | 7,000,000 |
| ≥ 1.2 tỷ | 4,500,000 |
| ≥ 0.8 tỷ | 2,000,000 |
| ≥ 0.5 tỷ | 1,000,000 |

**Mức chi thực tế căn cứ theo tỷ lệ K2:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tỷ lệ K2** | **Tỷ lệ chi thưởng** |
| K2 < 65% | Không chi thưởng |
| K2 ≥ 65% | 80% mức thưởng chuẩn |
| K2 ≥ 75% | 100% mức thưởng chuẩn |

* K2 tính cho CV.KDBH là K2 tính lương kinh doanh trong tháng cuối quý.
* Tính ra kết quả chương trình. Cho phép admin điều chỉnh bậc thưởng/ điều kiện thưởng.